

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Công Trung.

2/ Ông Nguyễn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 199/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2022, trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị V trình bày:*

Chị và anh Võ Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy. Trong quá trình chung sống, mỗi khi vợ chồng xảy ra cự cãi thì anh

H đánh chị, mẹ chị can ngăn thì anh H đánh luôn mẹ chị và sự việc xảy ra nhiều lần, mâu thuẫn nhất là vợ chồng mượn tiền của mẹ ruột của chị, khi chị nhắc để trả lại tiền cho mẹ chị thì anh H đánh chị nên từ đó chị không còn chung sống với anh H. Trong thời gian sống ly thân thì anh H cũng có gọi điện cho chị nên chị cũng có qua lại vài lần, cách nay khoảng hơn một năm do anh H trở lại với vợ cũ thì không qua lại nữa, anh H cũng không hỏi thăm gì tới chị và con. Chị nhận thấy, chị và anh H không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin ly hôn.

Chị và anh Võ Văn H có 01 con chung tên: Võ Thanh Phương, sinh ngày 18/10/2014; khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh Hậu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

* Bị đơn anh Võ Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

* Theo biên bản lấy ý kiến ngày 20 tháng 5 năm 2022 cháu Võ Thanh Ph có nguyện vọng sống với chị V.

* *Tại Tòa:*

Nguyên đơn chị V trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Võ Văn H. Chị yêu cầu nuôi cháu Võ Thanh Phương, sinh ngày 18/10/2014; khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh Hậu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục. Đối với đương sự, nguyên đơn chị V thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn anh H vắng mặt không lý do nên việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là phù hợp. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị V và anh H có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy vào ngày 09/12/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị V và anh H xảy ra mâu thuẫn nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Chị V yêu cầu nuôi cháu Võ Thanh Phương, sinh ngày 18/10/2014; cháu Phương có nguyện vọng sống với chị V, anh H không tranh chấp nuôi con. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị V về việc yêu cầu ly hôn với anh H. Giao cháu Phương cho chị V nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Văn H được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Văn Văn Hậu kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy (Ba Tri – Bến Tre) vào ngày 09/12/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị V và anh H không có sự thương yêu, quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Tại Tòa, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh H; riêng anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, điều đó đồng nghĩa với việc anh H tự tước đi quyền phản bác ý kiến đối với yêu cầu của chị V. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh H không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh H.

[2] Về con chung: Chị V yêu cầu nuôi cháu Võ Thanh Ph, sinh ngày 18/10/2014; cháu Phương có nguyện vọng sống với chị V. Anh H thì không tranh chấp nuôi con. Do đó, giao cháu Phương cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị V phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V đối với anh Võ Văn H.
2. Con chung: Chị Nguyễn Thị V tiếp tục nuôi cháu Võ Thanh Ph, sinh ngày 18/10/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh Võ Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Văn H có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị V phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003899 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị V đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã An Thủy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh

